

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 771/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Trần Mạnh H; Sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Số 29/8/26 đường A, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L; Sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Số 29/8/26 đường A, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn Ông H trình bày:

Ông H và bà L chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42, quyển số 01, đăng ký ngày 04/07/2001.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa ông H và bà L bất đồng quan điểm sống, bất đồng về suy nghĩ và cách giải quyết các vấn đề trong cuộc sống vợ chồng. Vào đầu năm 2024, ông H đã từng nộp đơn đến Tòa án nhân dân Quận 8 để yêu cầu giải quyết ly hôn với bà L. Sau khi Tòa án thụ lý đã tiến hành động viên ông H rút đơn để hàn gắn tình cảm gia đình. Do đó, ông H đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 537/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2024. Mặc dù đã nhiều lần tự hoà giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung, không chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống gia đình nên cả hai không thể tiếp tục chung sống. Nhận thấy cả hai đã không còn tình cảm, ông H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn bà L.

Về con chung: Ông H xác định giữa ông H và bà L có hai con chung tên:

+ Trần Mạnh R, sinh ngày 31/07/1997;

+ Trần Nguyễn P, sinh ngày 07/06/2004.

Do các con chung đã thành niên nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H tự xác định giữa ông H và bà L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Mạnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Bà L đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn – Ông Trần Mạnh H có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của Ông Trần Mạnh H thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là bà Nguyễn Thị L có cư trú tại Quận 8, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Ông H và bà Nguyễn Thị L kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42, quyển số 01, đăng ký ngày 04/07/2001, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của ông H, ông H trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa ông H và bà L bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi. Dù đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Ông H đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà L vào đầu năm 2024, sau khi Tòa án thụ lý, qua phân tích, động viên ông H đã rút đơn để hàn gắn tình cảm gia đình và Tòa án nhân dân Quận 8 đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 537/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2024. Tuy nhiên, ông H trình bày hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cả hai đã không còn chung sống như vợ chồng. Nên ông H yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của ông H là có căn cứ cần giải quyết.

Xét thấy, bà L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng bà L vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện bà L không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng giữa Ông H và bà L không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của ông H là có căn cứ cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông H xác định giữa ông H và bà L có hai con chung tên: Trần Mạnh R, sinh ngày 31/07/1997; Trần Nguyễn P, sinh ngày 07/06/2004. Các con chung đều đã thành niên, đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H tự khai giữa ông H và bà L không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của bà L về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 8, 9, 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Mạnh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Mạnh H được ly hôn với bà Nguyễn Thị L;

2. Về nuôi con chung: Ông H xác định giữa ông H và bà L có hai con chung hiện đã thành niên tên:

- + Trần Mạnh R, sinh ngày 31/07/1997;
- + Trần Nguyễn P, sinh ngày 07/06/2004

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), Ông Trần Mạnh H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0030518 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND Q8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Duy Minh Chính